

Số: 01/2026/SXD-LVT

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 03 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: - Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng;
- Chủ đầu tư, Ban quản lý dự án, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, nhà thầu thi công; các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng.

Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính Phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc báo cáo hoạt động của phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng, trạm thí nghiệm hiện trường về Sở xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Công văn số 1252/SXD-QLCL ngày 23 tháng 01 năm 2026 của Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng về việc một số lưu ý liên quan đến điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng quy định tại Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ;

Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Leveltest xin công bố thông tin về năng lực đủ điều kiện hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng với những nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin về Tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng: Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Leveltest

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy phép đầu tư) số: 0401557373, cấp lần đầu ngày 28/10/2013; đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 29 tháng 11 năm 2023, Cơ quan cấp: Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng;

Địa chỉ: 29 Nhơn Hòa 5, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng;

Điện thoại: 0905.290.299;

Email: conguan75@gmail.com;

Website: <https://leveltestdanang.com>

Tên phòng thí nghiệm: Phòng thí nghiệm vật liệu xây dựng và kiểm định chất lượng công trình;

Địa chỉ phòng thí nghiệm: 29 Nhơn Hòa 5, phường An Khê, thành phố Đà Nẵng.

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

ST T	Tên chỉ tiêu thí nghiệm	Tiêu chuẩn kỹ thuật	Máy móc, thiết bị	Thí nghiệm viên
Thí nghiệm xi măng				
1	Xác định độ mịn, khối lượng riêng của xi măng	TCVN 13605:2023	Sàng 0,045 và 0,09, đồng hồ bấm giây, cân Kỹ thuật, nhiệt kế, dụng cụ xác định khối lượng riêng	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
2	Xác định giới hạn bền uốn và nén	TCVN 6016:2011	Máy nén, gá uốn, gá nén, khuôn 40x40x1600mm, bê ngam mẫu, máy trộn, thiết bị dẫn	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn, thời gian đông kết và tính ổn định thể tích	TCVN 6017:2015	Bộ Vicat, cân độ chính xác 1g, máy trộn, thiết bị dẫn	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm cốt liệu cho bê tông và vữa				
4	Xác định thành phần cỡ hạt	TCVN 7572-2: 2006	Cân độ chính xác 0,1g 140 µm, 315 µm, 630 µm, 1,25 mm, 2,5 mm, 5 mm, 10 mm, 20 mm, 40 mm, 70 mm, 100 mm , tủ sấy	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
5	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ hút nước của cốt liệu	TCVN 7572-4: 2006	Cân độ chính xác 0,01g, ống đong 500 ml hoặc 1000 ml, tủ sấy, khăn thấm / giấy thấm, thùng đong 1 L, 5 L, 10 L	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
6	Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước của đá gốc và cốt liệu lớn	TCVN 7572- 5	Cân độ chính xác 0,01g, bình tỷ trọng, nhiệt kế, thùng đong thể tích, tủ sấy, bể nước	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
7	Xác định khối lượng thể tích và độ xốp và độ hong	TCVN 7572-6:2006	Thùng đong thể tích chuẩn dung tích: 5L, 10L, 20L (tùy cỡ hạt), cân kỹ thuật độ chính xác 0,1 % khối lượng mẫu	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
8	Xác định độ ẩm	TCVN 7572-7: 2006	Tủ sấy, cân độ chính xác 0,1g, khay, hộp ẩm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
9	Xác định hàm lượng bùn, bụi, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-8:2006	Cân độ chính xác 0,1g, thùng rửa mẫu, tủ sấy	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
10	Xác định tạp chất hữu cơ	TCVN 7572- 9: 2006	Dung dịch NaOH 3%, bình thủy tinh trong suốt có nắp, dung tích 500 ml, cân độ chính xác 0,1 g, bảng so màu chuẩn	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
11	Xác định cường độ và hệ số hoá mềm của đá gốc	TCVN 7572-10: 2006, TCVN 7572-10: 2006	Máy nén, khuôn nén, cân độ chính xác 0,1g, tủ sấy, thước kẹp	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
12	Xác định độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn	TCVN 7572-11: 2006	Máy nén, bộ xi lanh nén dập, thùng ngâm nước, tủ sấy, sàng theo cỡ hạt	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn , Ngô Quang

				Hưng
13	Xác định độ hao mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Los Angeles)	TCVN 7572-12: 2006	Máy Los Angeles, bi thép, cân kỹ thuật, sàng, tủ sấy	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
14	Xác định hàm lượng hạt thoi dẹt trong cốt liệu lớn	TCVN 7572-13: 2006	Thước kẹp đo thoi dẹt, bộ sàng, độ chính xác 0,1g, tủ sấy	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
15	Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hoá	TCVN 7572-17: 2006,	Bộ sàng tiêu chuẩn theo TCVN 7572-2 : 2006, kim sắt, cân chính xác 0,01g	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
16	Xác định lượng hạt bị đập vỡ	TCVN 7572-18: 2006	Cân kỹ thuật, sàng 5 mm, 2,5mm, 1,25mm, 630 µm, 315µm, 140µm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
17	Xác định hàm lượng mica trong cốt liệu nhỏ	TCVN 7572-20: 2006	Kính lúp, cân kỹ thuật	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
18	Xác định lượng Silic oxit vô định hình	TCVN 7572-19: 2006	Cân phân tích 0,01g, lò nung, thiết bị hóa học, sàng 5 mm, 300 µm, 140 µm, bếp cách thủy, giấy lọc không tro trắng, nước cất, HCl đặc, dung dịch AgNO ₃ , dung dịch NaOH	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
Hỗn hợp bê tông và bê tông nặng				
19	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114 : 2022	Máy mài; vật liệu mài; cân kỹ thuật; thước kẹp	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
20	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3106: 2022	Côn, bàn để, thước đo độ sụt, xẻng, bay, đồng hồ bấm giờ	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
21	Xác định khối lượng thể tích của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3108 : 1993	Khuôn đo thể tích 5l hoặc 15l, cân kỹ thuật 50kg, bàn rung, bay trộn, thước lá	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
22	Xác định độ tách nước và tách vữa của hỗn hợp bê tông nặng	TCVN 3109 : 2022	Thiết bị tách nước, cốc đo, cân kỹ thuật, đồng hồ bấm giờ, tủ sấy, thùng kim loại có nắp đậy 5l hoặc 10l, giấy thấm, ống đong 50ml đến 200ml, sàng 5mm, bàn rung, khuôn 200mmx200mmx200mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
23	Xác định thành phần hỗn hợp bê tông	TCVN 3110 : 1993	Bộ sàng tiêu chuẩn, máy lắc sàng, cân kỹ thuật, tủ sấy	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng

				Hưng
24	Xác định hàm lượng bột khí của bê tông	TCVN 3111:2022	Thiết bị đo hàm lượng bột khí (áp suất hoặc thể tích), bơm tay, cân kỹ thuật	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
25	Xác định khối lượng riêng	TCVN 3112: 2022	Cân cân chính xác 0,01g, thước đo kích thước, bể ngâm nước, tủ sấy, sàng 5mm, 1.25mm, 0.125mm, bình hút ẩm, nước cất, bình pycnometer có dung tích 100 ml	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
26	Xác định độ hút nước của bê tông	TCVN 3113 : 2022	Tủ sấy, cân phân tích, bể ngâm nước, bình hút ẩm, tủ sấy	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
27	Xác định khối lượng thể tích của bê tông	TCVN 3115 : 2022	Khuôn đo thể tích 5l hoặc 15l, cân kỹ thuật 50kg, bàn rung, bay trộn, thước lá	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
28	Xác định độ chống thấm nước của bê tông	TCVN 3116: 2022	Thiết bị thử thấm bê tông	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
29	Thí nghiệm co bê tông	TCVN 3117: 2022	Khung đo, biến dạng kế loại đồng hồ, cân kỹ thuật, nhiệt kế	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
30	Xác định độ pH	TCVN 9339 : 2012	Máy đo pH, dung dịch chuẩn, máy khuấy từ, cốc thủy tinh	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
31	Xác định cường độ nén	TCVN 3118 : 2022	Máy nén thủy lực, khuôn mẫu bê tông, buồng dưỡng hộ, thước đo	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
32	Xác định cường độ kéo khi uốn	TCVN 3119 : 2022	Máy nén bê tông, gối uốn	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
33	Xác định cường độ kéo khi bẻ	TCVN 3120 : 2022	Máy nén thủy lực, phụ kiện thử kéo bẻ	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
34	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông	TCVN 9338 : 2022	Bộ thiết bị Vicat, đồng hồ bấm giờ.	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng

35	Bê tông tự lèn: Xác định độ chảy loãng và thời gian chảy loãng, Xác định thời gian chảy qua phễu V, chảy qua hộp L, chảy qua vòng J, khả năng chống phân tầng	TCVN 12209 : 2018	Tấm nền, côn thử độ sụt loại N1, thước thép, thùng chứa, phễu V, phễu L	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
36	Xác định nhiệt độ hỗn hợp bê tông	TCVN 9340 : 2012	Nhiệt kế bê tông	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Ngô Quang Hưng
Thí nghiệm vữa xây dựng				
37	Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất	TCVN 3121-1: 2022	Bộ sàng tiêu chuẩn 5, 2.5, 1.25, 0.63, 0.315, 0.14 0.008, máy lắc sàng, cân chính xác 0,1g, bàn chải làm sạch sàng	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
38	Xác định độ lưu động của vữa tươi	TCVN 3121-3: 2022	Bàn dần, côn kích thước hình trụ D1=100, D2=70, cao 60, máy trộn vữa, thước đo, đồng hồ bấm giờ	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
39	Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi	TCVN 3121-6: 2022	Ổng đong 1L, cân chính xác 0,1g, bay trộn	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
40	Xác định khả năng giữ nước của vữa tươi	TCVN 3121-8: 2022	Máy trộn vữa, cân chính xác 0,1g, phễu đường kính 154mm cao 20cm, đồng hồ bấm giây, giấy lọc 10g/m2	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
41	Xác định thời gian bắt đầu đông kết của vữa	TCVN 3121-9: 2022	Kim Vicat, khuôn Vicat, máy trộn vữa, đồng hồ bấm giờ, buồng dưỡng hộ	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
42	Xác định khối lượng thể tích mẫu vữa đông rắn	TCVN 3121-10: 2022	Cân chính xác 0,1g, tủ sấy, cân thủy tĩnh, thước đo kích thước, bể ngâm nước, khăn lau mẫu	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
43	Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-11: 2022	Máy nén , gá uốn, gá nén, thước lá	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
44	Xác định cường độ bám dính của vữa đã đông rắn trên nền	TCVN 3121-12:2022	Thiết bị kéo bám dính tạo lực kéo trực tiếp 5kN, keo dán, vòng tròn cắt bằng thép D=50/60	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
45	Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-18: 2022	Bể ngâm nước, cân chính xác 0,1g, tủ sấy, tủ dưỡng hộ, đồng hồ bấm giây, khuôn vữa	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
46	Vữa không co trộn sẵn: Xác định độ chảy, độ tách nước, cường độ nén, thay đổi chiều cao cốt vữa trong quá trình đông kết, thay đổi chiều dài vữa đã đông rắn	TCVN 9204 : 2012, TCVN 8824:11	Máy trộn vữa, khuôn mẫu, máy nén, máy uốn, phễu đo độ chảy, ống đong có nắp không thoát nước, Bộ đồng hồ biến dạng, giá đo, khuôn 100x100x400mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
47	Vữa cho bê tông nhẹ: Xác định kích thước hạt cốt liệu lớn nhất; độ lưu động; khả năng giữ độ lưu động; thời gian bắt đầu đông kết; cường độ nén; cường độ dính bám; hệ số hút nước do mao dẫn.	TCVN 9028 : 2011	Máy trộn vữa; bộ sàng; bàn dần; khuôn mẫu; buồng dưỡng hộ; máy nén; thiết bị đo mao dẫn; phễu đo lưu động; bộ vicat	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm phụ gia, tro bay				

48	Phụ gia hóa học cho bê tông: Xác định độ PH, tỷ trọng, hàm lượng chất khô, khả năng giảm nước so với mẫu đối chứng, thời gian đông kết so với mẫu đối chứng, cường độ nén, uốn so với mẫu đối chứng, ảnh hưởng của phụ gia đến độ co nở	TCVN 8826:11	Máy đa năng WDW-100, máy nén, quỹ tím, cân độ chính xác 0,01g, đồng hồ bấm giờ, máy trộn, ống đong có vạch chia, thước...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
49	Phụ gia kháng hoạt tính cho bê tông, vữa: Xác định độ mịn, khối lượng riêng, chỉ số hoạt tính, khả năng chống ăn mòn sunfat của phụ gia thông qua thí nghiệm độ giãn nở của vữa	TCVN 8827:11; TCVN 11586:16; TCVN 4315:07	Máy đa năng WDW-100, máy nén, quỹ tím, cân độ chính xác 0,01g, đồng hồ bấm giờ, máy trộn, ống đong có vạch chia, thước...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
50	Phụ gia khoáng cho Bê tông - xi măng: Xác định chỉ số hoạt tính cường độ, thời gian đông kết, độ bền nước của vữa vôi - phụ gia, hàm lượng tạp chất bụi và sét	TCVN 6882:16; TCVN 8825:11	Đồng hồ bấm giờ, cân độ chính xác 0,01g, thiết bị thí nghiệm tạp chất bụi và sét...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thử nghiệm chỉ tiêu cơ lý của gạch xây				
51	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan	TCVN 6355-1: 2009	Thước lá kim loại	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
52	Xác định độ bền nén của gạch xây	TCVN 6355-2: 2009	Máy nén, tủ sấy	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
53	Xác định cường độ bền uốn	TCVN 6355-3: 2009	Máy nén, giá uốn, tủ sấy	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
54	Xác định độ hút nước của gạch xây	TCVN 6355-4: 2009	Cân điện tử, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
55	Xác định khối lượng thể tích của gạch xây	TCVN 6355-5: 2009	Cân điện tử, tủ sấy, thùng ngâm mẫu, thước lá kim loại, bình hút ẩm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
56	Xác định độ rỗng	TCVN 6355-6: 2009	Thước lá kim loại	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm cơ lý gạch bê tông tự chèn				
57	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ mài mòn, độ hút nước	TCVN 6476 : 11	Máy nén, thước lá kim loại, máy mài mòn, tủ sấy, thùng ngâm mẫu	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm cơ lý gạch bê tông				
58	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, cường độ nén, độ rỗng, độ mài mòn, độ hút nước, độ thấm nước	TCVN 6477 : 2016	Máy nén, thiết bị thử thấm, thước góc, thước lá, cân điện tử, thùng ngâm mẫu, thiết bị độ rỗng	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm gạch Terrazo				
59	Xác định kích thước và khuyết tật ngoại quan, cường độ uốn, độ hút nước, độ mài mòn	TCVN 7744 : 2013	Tủ sấy, cân điện tử, thước đo, thùng chứa nước, máy độ mài mòn, máy đa năng WDW-100	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn

Thí nghiệm gạch ốp lát				
60	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt	TCVN 6415-2: 2016	Thước lá kim loại	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
61	Xác định độ hút nước, độ xốp biến kiến, khối lượng riêng tương đối và khối lượng thể tích	TCVN 6415-3: 2016	Cân điện tử, tủ sấy, thùng ngâm mẫu...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
62	Xác định độ bền uốn và lực uốn gãy	TCVN 6415-4: 2016	Máy nén, máy đa năng WDW-100, gá uốn	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
63	Xác định độ bền mài mòn sâu	TCVN 6415-6: 2016	Máy đo độ mòn sâu, đĩa mài, máy cắt, thước lá	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
64	Xác định độ bền mài mòn bề mặt	TCVN 6415-7: 2016	Máy xác định độ bền mài mòn bề mặt, máy cắt, thước lá	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
65	Độ bền va đập bằng đo hệ số phản hồi	TCVN 6415-5: 2016	Bi rơi, dụng cụ điện tử đo thời gian, thiết bị thả bi rơi	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
66	Xác định độ cứng bề mặt theo thang Mohs	TCVN 6415-18: 2016	Thiết bị đo độ cứng bằng tay theo thang Mohs	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm đá ốp lát tự nhiên				
67	Xác định độ hút nước, khối lượng thể tích, độ bền uốn, độ cứng bề mặt, độ mài mòn, độ cứng thang Mohs	TCVN 4732 : 2016	Thiết bị mài mòn, thước lá kim loại, cân điện tử, bếp , tủ sấy, máy đa năng WDW-100, thiết bị đo độ cứng bằng tay theo thang Mohs	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm thép, kim loại, mối hàn				
68	Thử kéo	TCVN 197:14, TCVN 314:08, TCVN 7937-1:13;TCVN 7937-3:13, TCVN 7937-2:13,	Máy kéo, uốn đa năng 1000kN, cân độ chính xác 0,01g, thước thép, máy cắt	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
69	Thử uốn	TCVN 198: 08, TCVN 5891: 08, TCVN 7937 : 2013	Máy kéo, uốn đa năng 1000kN, gổ uốn	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
70	Mối hàn kim loại: thử kéo, thử uốn, thử va đập	TCVN 8310:2010, TCVN 8311:2010, TCVN 5403:1991	Máy kéo, uốn đa năng 1000kN, máy cắt, cưa và tiện, mài hoặc phay	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
71	Kiểm tra không phá hủy mối hàn - Phương pháp siêu âm	TCVN 1548:87,TCVN 6735:18	Máy siêu âm bao gồm bộ xử lý + đầu dò	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
72	Thử độ cứng kim loại	TCVN 257 : 2007, TCVN 256:06, TCVN 258:06	Máy đo độ cứng	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
73	Thử bu lông, đai ốc, vít: Kích thước hình học, thử kéo, lực xiết	TCVN 1916: 95, TCVN 39:84, TCVN 4796:89	Máy kéo, uốn đa năng 1000kN, bộ ngâm bulong và phụ kiện, thước kẹp, máy đo lực xiết	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
74	Thử kéo thép cốt bê tông mối nối bằng ống ren	TCVN 8163 : 2009	Máy kéo, uốn đa năng 1000kN, thiết bị đo độ trượt, thước cặp	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn

75	Xác định chiều dày, độ bền lớp phủ sơn, lớp mạ trên kim loại	TCVN 5408:07, TCVN 2095:93, TCVN 5878:07	Máy đo chiều dày lớp phủ, thước lá, thước cặp	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
76	Kiểm tra độ bám dính lớp phủ	TCVN 2097 : 93	Thiết bị kiểm tra độ dính bám (dao cắt, kính lúp, băng dính), bộ gá, đồng hồ bám dính, keo dán	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
77	Lớp mạ kim loại: Xác định khuyết tật ngoại quan, chiều dày lớp mạ, độ bền lớp mạ	TCVN 4392 : 86, TCVN 5406 : 91, TCVN 5408 : 2007	Máy đo chiều dày lớp phủ, thước lá, thước cặp	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm cơ lý đất, cát, cấp phối đá dăm trong phòng				
78	Xác định khối lượng riêng (tỷ trọng)	TCVN 4195 : 2012	Bình tỷ trọng, tủ sấy, bếp cát, cân điện tử, nước cất	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Trần Quốc Lâm
79	Xác định độ ẩm và hút ẩm	TCVN 4196 : 2012	Hộp ẩm, bình hút ẩm, tủ sấy, cân điện tử	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Trần Quốc Lâm
80	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy	TCVN 4197 : 2012	Bộ dụng cụ Casagrande, tủ sấy, cân điện tử, bình hút ẩm, hộp ẩm, kính nhám, khăn hút ẩm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Trần Quốc Lâm
81	Xác định các thành phần cỡ hạt	TCVN 4198 : 2014, TCVN 5746 : 2024	Bộ sàng, cân điện tử, Bình phun tia, quả lê cao su, khay đựng mẫu, chổi cứng/mềm để vệ sinh rây, bình tỷ trọng	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Trần Quốc Lâm
82	Xác định sức chống cắt của đất	TCVN 4199:12	Máy cắt trực tiếp, dao vòng cắt mẫu, đá thấm, giấy thấm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Trần Quốc Lâm
83	Xác định tính nén lún trong điều kiện không nở hông	TCVN 4200:2012	Máy nén tam liên, dao vòng cắt mẫu, đá thấm, giấy thấm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Trần Quốc Lâm
84	Xác định độ chặt tiêu chuẩn	TCVN 4201 : 2012; TCVN 12790:20, 22TCN 333:06	Cối đầm, búa, cần dẫn, bình hút ẩm, khay để trộn đất, tủ sấy, bình phun nước, vải phủ, cân đo, cối sứ, chày bọc cao su	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Trần Quốc Lâm
85	Xác định khối lượng thể tích (dung trọng)	TCVN 4202 : 2012	Cân điện tử, dao vòng	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Trần Quốc Lâm
86	Thí nghiệm nén 1 trục có nở hông	ASTM D2166-06 , BS EN ISO 17892-7,8	Máy nén, thước	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Trần Quốc Lâm

87	Xác định hàm lượng chất hữu cơ của đất	TCVN 8726 : 2012	Lò nung, cân phân tích 0,01g, chén nung, bình hút ẩm, cối và chày sứ, rây 2mm hoặc rây 0,425mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Trần Quốc Lâm
88	Xác định hệ số thấm của đất	TCVN 8723 : 2012: TCVN 12662 : 2019	Tủ sấy, hộp ẩm, thiết bị thấm (theo bộ cố định sẵn), cân điện tử 0,1g, ống đong 100ml đến 500ml, nhiệt kế, thiết bị đầm nén mẫu đất trong buồng thấm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Trần Quốc Lâm
89	Xác định thành phần và hàm lượng muối hòa tan	TCVN 8730 : 2012	Cối, chày sứ, sàng 2mm, 0,5mm (hoặc 0.425mm), chổi quét, bộ dụng cụ chia mẫu, cân Kỹ thuật, tủ sấy, bình hút ẩm, máy lắc sàng, bếp cát, phễu lọc thủy tinh đường kính 100mm, giấy lọc, bình định mức 50, 100, 250, 500, 1000ml, Pipet 1, 5, 10, 25, 50ml có độ chính xác 0,1ml. Hóa chất : Dung dịch Hydroperoxit (H ₂ O ₂) nồng độ 10% đến 15%	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Trần Quốc Lâm
90	Thí nghiệm sức chịu tải của đất (CBR)	TCVN 12792 : 2020, 22TCN332 : 2006	Máy nén CBR, bộ cối khuôn CBR, bể ngâm mẫu, tủ sấy, cân điện tử	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn, Trần Quốc Lâm
91	Đất gia cố xi măng: Xác định cường độ ép chẻ, mô đun đàn hồi, ường độ kháng nén, kháng uốn	TCVN 8862 : 2011, TCVN 9403 : 2012	Máy đa năng WDW-100, tấm đệm truyền tải, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, thước lá, đồng hồ đo so, gá từ, chày đầm cải tiến, khuôn mẫu	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
92	Xác định mô đun đàn hồi vật liệu đá gia cố chất kết dính vô cơ	TCVN 9843 : 2013	Máy đa năng WDW-100, tấm đệm truyền tải, đồng hồ đo so, gá từ, chày đầm cải tiến, khuôn mẫu	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm hiện trường				
93	Đo dung trọng, độ ẩm của đất bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:20, 22 TCN02 : 1971, TCVN 8729:12	Bộ dao đai, cân kỹ thuật 15kg(30kg), cân có độ chính xác 0,01g, thiết bị sấy khô	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
94	Độ ẩm, khối lượng thể tích của đất trong lớp kết cấu bằng phương pháp rót cát	TCVN 8729:12, 22 TCN 346 : 2006	Bộ phễu rót cát, cân kỹ thuật 15kg(30kg), cân có độ chính xác 0,01g, thiết bị sấy khô	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
95	Xác định mô đun đàn hồi E nền đường bằng tấm ép lớn	TCVN 8861 : 2011	Hệ thống chất tải, kích thủy lực, tấm thép 33cm, 46cm, 61cm, 76 cm, đồng hồ đo biến dạng	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
96	Phương pháp xác định mô đun biến dạng hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354 : 2012	Bộ tấm ép, kích thủy lực, đồng hồ đo lún, dầm phản lực,...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
97	Xác định mô đun đàn hồi theo độ võng đàn hồi dưới bánh xe bằng cần Benkelman	TCVN 8867 : 2025	Cần đo võng Benkelman, Kích thủy lực có đồng hồ đo áp lực	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
98	Xác định chỉ số CBR tại hiện trường	TCVN 8821 : 2011,	Bộ CBR hiện trường (Vòng đo lực 50kN, đầu xuyên đường kính 50,8 mm, các thanh nối, đồng hồ so,...)	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
99	Xác định độ bằng phẳng bằng thước 3m	TCVN 8864 : 2011,	Thước 3m, con nôm hình tam giác	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn

100	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866 : 2011,	Cát tiêu chuẩn, ống đong cát, bàn xoa, thước thép dài 500mm, cân độ chính xác 0,1g	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
101	Đo điện trở nổi đất	TCVN 9385:2012,	Máy đo điện trở, cọc đo, dây dẫn, búa đóng cọc	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
102	Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn SPT	TCVN 9351:2012	Thiết bị khoan tạo lỗ, đầu xuyên tiêu chuẩn, búa đóng	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
103	Kiểm tra không phá hủy xác định chiều rộng vết nứt của bê tông bằng kính lúp	TCVN 5879:2009	Kính lúp	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
104	Cọc - PP thí nghiệm bằng tải trọng tĩnh ép dọc trục	TCVN 9393:2012	Hệ thống kích thủy lực; đồng hồ đo lực; đồng hồ đo chuyển vị; dầm phản lực.	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
105	Cống hộp bê tông cốt thép: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Kiểm tra kích thước; Khả năng chống thấm nước; Kiểm tra khả năng chịu tải	TCVN 9116:2012	Thiết bị đo kích thước; máy nén; thiết bị thử thấm; hệ thống thử tải 3 cạnh	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
106	Ống cống bê tông cốt thép thoát nước: Kiểm tra khuyết tật ngoại quan; Kiểm tra kích thước; Khả năng chống thấm nước; Kiểm tra khả năng chịu tải	TCVN 9113:2012	Thiết bị đo kích thước; máy nén; thiết bị thử thấm; hệ thống thử tải 3 cạnh	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
107	Cọc bê tông ly tâm: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, nhân mác và kích thước; độ bền uốn nứt thân cọc, độ bền uốn nứt thân cọc dưới tải trọng nén dọc trục, khả năng bền cắt của thân cọc, độ bền uốn gãy thân cọc, độ bền uốn mối nối cọc	TCVN 7888:2014	Máy ép thủy lực (hoặc máy ép cơ học); thanh gối tựa, thanh truyền lực; thước đo kích thước; thiết bị kiểm tra ngoại quan; thước đo vết nứt	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
109	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan và khả năng chịu tải của nắp hố ga và song chắn rác	TCVN 10333:14	Hệ thống thử tải, thước đo vết nứt, thước đo, kính lúp	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm bê tông nhựa				
110	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall	TCVN 8860-1: 2011	Máy nén Marshall, bộ khuôn đúc mẫu, búa đầm, bệ đầm, bộ giá giữ khuôn đúc, dụng cụ tháo mẫu, tủ sấy, thiết bị gia nhiệt, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, cân điện tử 0,1g, cân điện tử 1g, thước kẹp 0,1 mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
111	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm	TCVN 8860-2: 2011	Máy quay ly tâm, giấy lọc, tủ sấy, bếp điện, lò nung, khay đựng mẫu, cân điện tử 0,1g và 0,01g, ống đong thủy tinh 1000 ml và 100 ml, cốc nung, bình hút ẩm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
112	Xác định thành phần hạt	TCVN 8860-3: 2011	Bộ sàng bê tông nhựa, tủ sấy, cân kỹ thuật chính xác 0,1%	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn

113	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860-4: 2011	Bình đựng mẫu, cân kỹ thuật chính xác 0,1%, máy hút chân không, bình lọc hơi nước, áp kế, chân không kế, nhiệt kế 10C, tủ sấy	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
114	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5: 2011; TCVN 8860-8: 2011; TCVN 8860-9: 2011; TCVN 8860-10: 2011; TCVN 8860-11: 2011; TCVN 8860-12: 2011	Cân kỹ thuật chính xác 0,1%, bể nước, dây treo và giỏ đựng, tủ sấy, nhiệt kế, thước kẹp	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
115	Xác định độ chảy nhựa	TCVN 8860-6: 2011	Tủ sấy, rọ đựng mẫu, đĩa kim loại, cân độ chính xác 0,1g	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
116	Xác định độ góc cạnh của cát	TCVN 8860-7: 2011	Ổng đồng bằng thép hoặc đồng, phễu bằng thép hoặc đồng, giá đỡ, tấm kính, khay, dao gạt bằng thép, cân kỹ thuật 0,1g	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
117	Xác định hệ số độ chặt lu lèn	TCVN 8860-8:2011	Tính toán	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
118	Xác định độ rỗng dư	TCVN 8860-9:2011	Tính toán	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
119	Xác định độ rỗng cốt liệu	TCVN 8860-10:2011	Tính toán	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
120	Xác định độ rỗng lấp đầy nhựa	TCVN 8860-11:2011	Tính toán	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
121	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa	TCVN 8860-12:2011	Tính toán	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
122	Bột khoáng cho bê tông nhựa: Xác định thành phần hạt, lượng mất khi nung, hàm lượng nước, KL riêng, KL thể tích và độ rỗng dư, hệ số hao nước, hàm lượng chất hòa tan trong nước, độ trương nở thể tích, chỉ số hàm lượng nhựa	22 TCN 58:84	Máy ép thủy lực, khuôn ép hình trụ đường kính 25 mm có piston, thước kẹp, đồng hồ đo biến dạng 0,01 mm, cân kỹ thuật 0,01g, dụng cụ vica, bát sắt cao 20 mm đường kính 50 mm, bát sứ đường kính 80 ÷ 120 mm, dao thép	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm nhựa Bitum, nhựa đường lỏng, nhũ tương axit				
123	Xác định độ kim lún, độ kim lún PI	TCVN 7495 : 2005,	Bộ thiết bị kim lún (kim xuyên, cốc đựng mẫu, bể ổn nhiệt, bình chuyển tiếp, đồng hồ đo thời gian, nhiệt kế)	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
124	Xác định modun đàn hồi và độ kéo dài ở 25°C	TCVN 7496 : 2005	Thiết bị thử nghiệm, nhiệt kế, khuôn, bể ổn nhiệt	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
125	Xác định nhiệt độ hóa mềm (PP vòng và bi)	TCVN 7497 : 2005	Bộ thiết bị hóa mềm (Vòng, tấm lót, bi, vòng dẫn hướng, bình thủy tinh chịu nhiệt, khung treo, nhiệt kế)	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
126	Xác định nhiệt độ bắt lửa	TCVN 8818-2: 2011, TCVN 8818-2:11	Thiết bị cốc hơ Tag (bể gia nhiệt, cốc mẫu, nguồn nhiệt, môi lửa, thước định chuẩn), vỏ chắn, nhiệt kế, chất lỏng gia nhiệt	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn

127	Xác định lượng tổn thất sau khi đun nóng ở 163°C	TCVN 7499 : 2005	Tủ sấy, giá quay, nhiệt kế, cốc đựng mẫu, cân Kỹ thuật, bình hút ẩm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
128	Xác định độ hoà tan trong Trichloroethylene	TCVN 7500: 2023	Bộ thiết bị lọc (cốc Gooch, lưới sợi thủy tinh, bình lọc, ống lọc, ống cao su hoặc bộ gá), bình tam giác, tủ sấy, nhiệt kế, cân kỹ thuật, bể ổn nhiệt, bình hút ẩm, Trichloroethylene, N-Propyl Bromide	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
129	Xác định khối lượng riêng ở 25°C	TCVN 7501: 2005	Tỷ trọng kế, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, cân phân tích 0,001g	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
130	Xác định độ nhớt động học, nhớt tuyệt đối	TCVN 7502 : 2005, TCVN 8818-5:11	Máy đo độ nhớt động, đồng hồ bấm giây, chất tẩy rửa	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
131	Xác định độ bám dính với đá	TCVN 7504: 2005,	Dây thép buộc, bình thủy tinh, bếp đun, nhiệt kế	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
132	Xác định hàm lượng nước	TCVN 8818-3: 2011	Bình chưng cất, thiết bị gia nhiệt, ống ngưng, ống hứng, các dụng cụ thí nghiệm trong phòng thông thường	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
133	Thí nghiệm chưng cất	TCVN 8818-4: 2011, TCVN 8817-9: 2011	Bình chưng cất, ống ngưng, ống dẫn hướng, vỏ chắn, giá đỡ vỏ chắn và bình chưng cất, nguồn nhiệt, ống thu, hộp kim loại, nhiệt kế	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
134	Xác định độ lắng và độ ổn định lưu trữ	TCVN 8817-3: 2011	Bình lưu mẫu thủy tinh, pipet, cân điện tử 0,1g, cốc, thìa khuấy, tủ sấy	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
136	Xác định lượng hạt quá cỡ (Thí nghiệm sàng)	TCVN 8817-4: 2011	Sàng 850 µm đường kính 76,2 mm, khay, nhiệt kế, cân điện tử 1g và 0,1g, tủ sấy, bình hút ẩm, chậu đựng nước, cốc thủy tinh 1500ml	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
137	Xác định điện tích hạt	TCVN 8817-5: 2011	Nguồn điện một chiều 12V, mi-li-am-pe kế, biến trở, điện cực, bộ phận cách điện, cốc thủy tinh 250ml, thanh đỡ, bể ổn nhiệt, nhiệt kế, đồng hồ bấm giây	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
138	Xác định độ khử nhũ	TCVN 8817-6: 2011	Sàng 1,4 mm đường kính 125 mm, cốc kim loại 600ml, thìa kim loại đường kính 10mm, buret 50ml, cân điện tử 0,1g, tủ sấy	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
139	Thí nghiệm trộn với xi măng	TCVN 8817-7: 2011	Sàng lỗ vuông 180 µm và 1,40 mm đường kính 76,2 mm, ống đong, cân điện tử 0,1g, tủ sấy	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
140	Xác định độ dính bám và tính chịu nước	TCVN 8817-8: 2011	Cân điện tử 0,1g, sàng 19mm và 9,5, tủ sấy, hệ thống phun nước (bình chứa nước, ống dẫn, vòi phun), nhiệt kế, pipet 10ml	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
141	Thí nghiệm bay hơi	TCVN 8817-10: 2011	Cốc thủy tinh hoặc kim loại 1000ml, thìa thủy tinh hoặc kim loại, cân độ chính xác 0,1g, tủ sấy, sàng lỗ vuông 300 µm đường kính 76,2mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
142	Nhận biết nhũ tương nhựa đường a xít phân tách nhanh	TCVN 8817-11: 2011	Cốc trộn thủy tinh hoặc kim loại 1000 ml, cốc rửa thủy tinh 1000 ml, tủ sấy, cân độ chính xác 0,1g, khay kim loại 150 mm x 225 mm, ống đong 500 ml, nhiệt kế	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn

143	Nhận biết nhũ tương nhựa đường axít phân tách chậm	TCVN 8817-12: 2011	Đèn bu-sen, tấm kim loại, sàng lỗ vuông 0,85 mm, cốc thủy tinh 1000 ml, cốc trộn thủy tinh hoặc kim loại 400 ml, cân kỹ thuật độ chính xác 0,1g, cát chuẩn	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
144	Xác định khả năng trộn lẫn với nước	TCVN 8817-13: 2011	Cốc thủy tinh 400 ml, ống đong 100 ml, ống đong 200 ml, nhiệt kế, đĩa thủy tinh hoặc kim loại	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
145	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 8817-14: 2011	Bình đong tiêu chuẩn 100 ml, cân điện tử 0,01g, bể ổn nhiệt	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
146	Xác định độ bám dính với cốt liệu tại hiện trường	TCVN 8817-15: 2011	Cốc kim loại 500 ml, chảo có tay cầm dung tích 2500 ml đến 3000 ml, sàng lỗ vuông 19 mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm ống nhựa PVC, HDPE, uPVC, PVC, Phụ kiện ống nhựa				
147	Xác định kích thước, sự thay đổi kích thước theo chiều dọc	TCVN 6145:07; TCVN 6148 : 2007	Tủ sấy, giá đỡ mẫu, thiết bị đo kích thước	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
148	Xác định thông số kích thước hình học, oval	TCVN 6150:2003; TCVN 8491:2011	Thước kẹp	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
149	Thử nghiệm ống nhựa: độ bền áp suất thủy tĩnh, độ kín khít	TCVN 6149 : 2007; TCVN 6041:96	Thiết bị tạo áp suất, đồng hồ đo áp, bể ổn nhiệt, đầu bịt mẫu	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
150	Ống và phụ tùng nối bằng nhựa nhiệt dẻo: Xác định nhiệt độ hóa mềm vicat	TCVN 6147:07	Máy đo nhiệt độ hóa mềm Vicat, Quả cân gia tải	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
151	Ống nhựa nhiệt dẻo: Xác định độ bền kéo, độ bền va đập, độ cứng vòng, độ cứng đàn hồi	TCVN 7434: 04, TCVN 6144:03, TCVN 8850:11, TCVN 8492:11	Máy đa năng WDW-100, bộ tấm ép song song, thước cặp điện tử, Thiết bị thử va đập và độ cứng ống nhựa, Thiết bị ổn định nhiệt, thước lá thép...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
152	Ống luồn dây điện PE, HDPE, SDR-PR,: Thử nghiệm kích thước hình học, độ bền kéo đứt, thử nén, điện trở cách điện, độ bền va đập, độ bền chịu kéo, biến dạng khi nén, độ hấp thụ nước, độ bền màu	TCVN 7305: 08; YCVN 9070:12; TCVN 7997:09; TCVN 8699:11; TCVN 7434:04	Máy đa năng WDW-100, bộ tấm ép song song, thước cặp điện tử, Thiết bị thử va đập, Thiết bị ổn định nhiệt, thước lá thép, bàn thử uốn...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm kính xây dựng				
153	Xác định sai lệch kích thước, khuyết tật ngoại quan, độ cong vênh, độ bền chịu nhiệt	TCVN 7219:18; TCVN 9808:13; TCVN 7527:05; TCVN 7364:04	Đèn huỳnh quang, ánh sáng trắng, công suất 40W, dài 120cm; giá đỡ mẫu; kính lúp; thước thép; thước panme...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
154	Độ bền va đập bi rơi, con lắc, phá vỡ mẫu	TCVN 7368:13; TCVN 7455:13	Khung kẹp mẫu, bi thép	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thử nghiệm sơn				
155	Xác định độ mịn	TCVN 2091:2015	Thước đo độ mịn, cân kỹ thuật, kính lúp	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
156	Xác định thời gian chảy, độ nhót	TCVN 2092:2013	Đồng hồ bấm giây, cốc đo độ nhót	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
157	Hàm lượng chất không bay hơi	TCVN 10519:2014	Tủ sấy, cân kỹ thuật, bình hút ẩm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn

				Quốc Sơn
158	Xác định độ phủ sơn	TCVN 10373:2014	Tấm kính dày 2mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
159	Xác định thời gian khô và độ khô	TCVN 2096:2015	Hệ thống đế và trục nén, quả cân 1500g, đồng hồ bấm giây	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
160	Xác định độ dính bám của màng sơn	TCVN 2097:2015	Dao cắt + băng dính + kính lúp	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
161	Xác định độ bền uốn của màng sơn	TCVN 2099:2013	Thiết bị thử uốn màn sơn, kính lúp, tủ sấy	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
162	Xác định độ bền va đập	TCVN 2100:2013	Thiết bị thử tải trọng rơi màn sơn, kính lúp	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
163	Xác định độ bóng	TCVN 2101:2016	Máy đo độ bóng, thiết bị gia công màn sơn, tấm gương dày 3mm,	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
164	Xác định màu sắc	TCVN 2102:2008	Tấm màu chuẩn, kính lúp	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
165	Xác định độ bền nhiệt ẩm của màng sơn	TCVN 9405:2012	Tủ nhiệt ẩm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
166	Sơn tường - Sơn nhũ tương: Xác định độ bền nước của màng sơn, độ bền rửa trôi, chu kỳ nóng lạnh, độ bền kiềm, hàm lượng chất khô bay hơi	TCVN 8653:24	Bình đựng mẫu, tủ lạnh, chổi quét, bình đựng mẫu, thước kéo, thiết bị thử độ rửa trôi, Tủ sấy, thùng ngâm mẫu, cân, bình phun, bàn chải tiêu chuẩn, thìa sứ và ống đong ~1000 mL, đồng hồ bấm giây ...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm vật liệu chống thấm gốc xi măng - polyme				
167	Xác định cường độ bám dính sau khi ngâm nước, cường độ bám dính sau lão hóa nhiệt, độ thấm nước dưới áp lực thủy tĩnh	ASTM D4541; BS EN 14891	Máy kéo vạn năng, khuôn đúc mẫu, bay, cân kỹ thuật, thiết bị đo độ thấm, thước kẹp, nhiệt kế, ...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm tải trọng chống thấm trên cơ sở bi tum biến tính				
168	Xác định tải trọng kéo đứt và độ giãn dài khi đứt, độ bền chọc thủng và kháng va đập, độ bền nhiệt	TCVN 9067:12	Kẹp, giá treo, tủ sấy, máy thử kéo, dụng cụ đo chọc thủng,...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm thanh trương nở				
169	Xác định kích thước, khối lượng riêng, độ chịu nhiệt, độ nở thể tích sau 15 ngày ngâm nước	ASTM D471:98	Thước kẹp, thước lá, cân điện tử, bình ngâm mẫu, dụng cụ đo thể tích, đồng hồ so, thiết bị đo trung nở,...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm Băng chặn nước PVC				
170	Xác định sai lệch kích thước, khối lượng riêng, cường độ nén và độ giãn dài khi đứt, độ cứng shore, độ bền hóa chất, tỷ lệ thay đổi khối lượng sau khi lão hóa nhiệt	TCVN 9407:14; TCVN 1595:07; TCVN 4867:18; TCVN 4509:13; TCVN 5320:2008	Máy đa năng WDW-100 + bộ ngâm kẹp theo máy, dao cắt mẫu, thước thép chính xác 0.1mm + Hóa chất, thước lá, thước góc, Cân điện tử, bể ngâm mẫu, tủ sấy, máy đo độ cứng shore A, bàn soi, đèn chiếu, kính lúp...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm tấm thạch cao, khung xương, bột bả				

171	Khung xương trần thạch cao xác định: Sai lệch kích thước, độ dày lớp phủ, lực kéo đứt cụm liên kết, khả năng chịu tải trọng phân bố đều trên thanh	ASTM A370; ASTM C635; ASTM C645; ASTM E376	Máy đo độ dày lớp phủ, kìm cắt mẫu, dụng cụ làm sạch, máy thử kéo, đồng hồ so, thước kẹp thước lá, tạ, cân kỹ thuật, ...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
172	Tấm thạch cao xác định: Độ hút nước, độ cứng góc cạnh, gờ, cường độ chịu uốn, độ biến dạng ẩm, độ kháng nhổ đinh của tấm thạch cao, độ hấp thụ nước bề mặt, độ thấm thấu hơi nước	TCVN 8257:09	Thùng đựng mẫu, chất hút ẩm, chất trám, buồng thử, bếp, thiết bị thử, kẹp, cân, cưa, thước, gổ đỡ, máy nén, thanh đẩy đinh,....	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
173	Bột bả: Xác định độ mịn, khối lượng thể tích, thời gian đông kết, độ cứng bề mặt, độ bám dính với nền, độ giữ nước	TCVN 7239:14	Cân, kỹ thuật, đồng hồ bấm dây, chảo, dao, bay, bình tia nước, thìa xúc, ống đong, máy hút chân không, giấy lọc, dụng cụ đo độ cứng, tủ sấy, thiết bị và dụng cụ kéo,...	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm nước cho xây dựng				
174	Xác định hàm lượng muối hòa tan và lượng cặn không tan	TCVN 4560 : 1988; TCVN 4506:12	Tủ sấy, lò nung, bình hút ẩm, bát sứ (chén sứ, chén bạch kim), phễu lọc, giấy lọc không tro	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
175	Xác định hàm lượng natri và kali	TCVN 6196-3:2000	Quang kế ngọn lửa, (hoặc phổ kế hấp thụ nguyên tử, dụng cụ thủy tinh và polyetylen	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
176	Xác định độ pH	TCVN 6492 : 2011,	Máy đo pH	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
177	Xác định hàm lượng chất hữu cơ	TCVN 6186 : 1996	Thiết bị thông thường phòng thí nghiệm hóa học, nồi cách thủy, ống nghiệm, buret, bình đong, pipet	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
178	Xác định hàm lượng Ion sunfat	TCVN 6200:1996,	Phễu lọc thủy tinh xốp, bình thủy tinh có vòi (Buchner), cân phân tích 0,0002g, bát cô bằng bạch kim	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
179	Xác định hàm lượng ion clorua	TCVN 6194:1996,	- (TCVN 6194:1996) Thiết bị phòng thí nghiệm thông thường, buret 25ml, bình tam giác, phễu lọc, giấy lọc (sợi thủy tinh), bình hút ẩm, pipet, ống đong	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
Thí nghiệm vải địa kỹ thuật, bắc thăm và vỏ bọc bắc thăm				
180	Độ dày danh định, độ dày tiêu chuẩn	TCVN 8220 : 2009	Bộ thiết bị đo độ dày của vải địa kỹ thuật	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
181	Khối lượng trên đơn vị diện tích	TCVN 8221 : 2009	Cân độ chính xác 0,01g, kéo cắt, thước thép	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
182	Xác định độ dẫn nước, khả năng thoát nước	TCVN 8483 : 2010	Thiết bị đo độ dẫn nước (hình chữ nhật hoặc hình tròn) chịu được mức tải trọng tới 200 kPa, tấm cao su xốp, cân độ chính xác, đồng hồ bấm giây, nhiệt kế	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
183	Xác định sức bền kháng thủng bằng roi côn	TCVN 8484 : 2010,	Máy đa năng WDW-100 + bộ roi côn theo máy, dao cắt mẫu, thước thép chính xác 0,1mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn

184	Cường độ chịu kéo, độ giãn dài	TCVN 8485 : 2010, TCVN 8871-1:11	Máy đa năng WDW-100 + bộ ngàm kẹp theo máy, dao cắt mẫu, thước thép chính xác 0,1mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
185	Xác định kích thước lỗ	TCVN 8486 : 2010; TCVN 8871-6:11	Thiết bị xác định kích thước lỗ lọc của vải địa, hạt thủy tinh, cân độ chính xác 0.01g, tủ sấy, khay đựng	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
186	Xác định độ thấm xuyên, hệ số thấm	TCVN 8487 : 2010	Thiết bị đo độ thấm xuyên của vải địa kỹ thuật, dao cắt mẫu, đồng hồ bấm giây, nhiệt kế, bình đựng nước, nguồn cấp nước khử bọt khí	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
187	Xác định chiều rộng cuộn	ASTM D3774	Thước thép chính xác 0,1mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
188	Cường độ xé rách hình thang	TCVN 8871-2: 2011	Máy đa năng WDW-100 + bộ ngàm kẹp theo máy, dao cắt mẫu, thước thép chính xác 0,1mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
189	Sức kháng xuyên thủng CBR	TCVN 8871-3: 2011	Máy đa năng WDW-100 + bộ xuyên CBR theo máy, dao cắt mẫu, thước thép chính xác 0.1mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
190	Sức kháng xuyên thủng thanh	TCVN 8871-4: 2011	Máy đa năng WDW-100 + bộ xuyên thủng thanh theo máy, dao cắt mẫu, thước thép chính xác 0.1mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
191	Xác định áp lực kháng bức	TCVN 8871-5: 2011	Thiết bị thử áp lực kháng bức	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
192	Lưới địa kỹ thuật: Cường độ chịu kéo, độ giãn dài	ASTM D6637	Máy đa năng WDW-100 + bộ ngàm kẹp theo máy, dao cắt mẫu, thước thép chính xác 0,1mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
193	Cường độ chịu kéo của mối nối	TCVN 9138:12	Máy đa năng WDW-100 + bộ ngàm kẹp theo máy, dao cắt mẫu, thước thép chính xác 0,1mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn
194	Khối lượng chỉ nối	ASTM D1907-07	Máy đa năng WDW-100 + bộ ngàm kẹp theo máy, dao cắt mẫu, thước thép chính xác 0,1mm	Đoàn Thị Như Ý, Trần Quốc Sơn

Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Leveltest chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố./.

**CÔNG TY TNHH TƯ VẤN
XÂY DỰNG LEVELTEST
GIÁM ĐỐC**



NGUYỄN CÔNG UÂN